

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH QUỐC TẾ AQUA TRAVEL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH QUỐC TẾ AQUA TRAVEL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AQUA TRAVEL INTERNATIONAL COMMERCE AND TOURISM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110414564

**3. Ngày thành lập:** 12/07/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 4, ngõ 155/30 Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934315754

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                                                                                   | 4610     |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết:<br>Tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức. | 8230     |
| 3.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                   | 7310     |
| 4.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>Chi tiết: Loại trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị.                                                                                                                 | 7320     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu. Cụ thể: Hoạt động phiên dịch; Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn; Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền);</li> <li>- Tư vấn về công nghệ khác;</li> <li>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý.</li> </ul> | 7490 |
| 6.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7710 |
| 7.  | <p>Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao</li> <li>- Vận tải hành khách bằng taxi.</li> <li>- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác</li> <li>- Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)</li> </ul>                                                                                                                           | 4931 |
| 8.  | <p>Vận tải hành khách đường bộ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận tải hành khách bằng xe khách theo hợp đồng;</li> <li>- Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu.</li> </ul> <p>Nhóm này gồm: Hoạt động của đường sắt trong phạm vi sân bay, đường sắt leo núi, đường cáp trên không.</p>                                                                                                                                                                                                                                 | 4932 |
| 9.  | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển</li> <li>- Logistics</li> <li>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu. Cụ thể: Môi giới thuê tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải bộ; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.</li> </ul>                                                                                                                                                   | 5229 |
| 10. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5510 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | <p>Cơ sở lưu trú khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký túc xá học sinh, sinh viên</li> <li>- Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm</li> <li>- Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu. Nhóm này gồm: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn hoặc dài hạn cho khách thuê trọ như: Nhà trọ cho công nhân, toa xe đường sắt cho thuê trọ, các dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú khác chưa kể ở trên.</li> </ul>                                                                                                                                                   | 5590 |
| 12. | <p>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5610 |
| 13. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5621 |
| 14. | <p>Dịch vụ ăn uống khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống;</li> <li>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt;</li> <li>- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;</li> <li>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.</li> <li>- Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.</li> </ul> | 5629 |
| 15. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7721 |
| 16. | <p>Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Đồ dệt, trang phục và giày dép;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồ đạc, gồm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng;</li> <li>- Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo;</li> <li>- Sách, tạp chí;</li> <li>- Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà;</li> <li>- Hoa và cây;</li> <li>- Thiết bị điện cho gia đình.</li> </ul>                                                                                                            | 7729 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu. Cụ thể: Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh; Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không kèm người điều khiển. | 7730        |
| 18. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết:<br>- Đại lý lữ hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7911        |
| 19. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7912        |
| 20. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7990(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN NGỌC QUANG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/03/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034096003450

Ngày cấp: 25/11/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Lương Ngọc, Xã Tân Tiến, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lương Ngọc, Xã Tân Tiến, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN MẠNH CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/11/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034093004261

Ngày cấp: 23/11/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Lương Ngọc, Xã Tân Tiến, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lương Ngọc, Xã Tân Tiến, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội